

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-04-2024.
V/v ly hôn giữa chị C và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thê

Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26-04-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số nhà 06/47, đường Nguyễn Hữu L3, tổ dân phố B, thị trấn TP, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Doãn T, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xóm T2 (nay là thôn P), xã T1, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Bà Vương Thị H, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn Trại Nội (nay là thôn P), xã T1, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Chị C và anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị C đã trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị Lê Thị C và anh Bùi Doãn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 23-6-2005. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Thời điểm đó, anh T bị chấn thương do tai nạn, chị C chăm sóc anh T hơn một năm nhưng bố mẹ chồng chị C không tôn trọng chị C. Chị C phải vay mượn tiền bạc để chạy chữa, điều trị cho anh T nhưng bố mẹ chồng chị C lại vu khống cho chị C là mang hết tiền bạc về gia đình ngoại. Vợ chồng chị C xảy ra nhiều cuộc cãi chửi nhau cũng chỉ vì những mâu thuẫn giữa 2 bên không thể hòa giải được. Vợ

chồng chị đã rất nhiều lần nói chuyện và cùng bàn bạc cách hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn nhưng đều không đi đến thống nhất vì tính cách của vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống thì khác nhau. Đỉnh điểm là năm 2014 thì mẹ chồng chị C mắng chửi chị C thậm tệ chỉ vì nghĩ rằng chị C lừa tiền bố mẹ chồng và chồng mang đi. Chị C buộc phải mang con về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống.

Từ năm 2014 đến nay, chị C và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, vợ chồng chị không liên hệ gì với nhau và cũng không hàn gắn tình cảm gì với nhau nữa.

Chị C xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị C đã kéo dài và đã rất trầm trọng và chị C cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với anh T, nên đời sống chung của vợ chồng chị C không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do đó, chị C đề nghị Tòa án nhân dân huyện V xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Doãn T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bùi Doãn T3 Giang, sinh ngày 09-9-2005 và cháu Bùi Doãn T4, sinh ngày 12-7-2012. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị C tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay cháu Giang đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên chị C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Ly hôn, chị C đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T4 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị C đang làm kinh doanh tự do tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa với mức thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị C và anh T không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn, anh Bùi Doãn T đã trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh T đồng ý giao cháu Bùi Doãn T4, sinh ngày 12-7-2012 cho chị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C. Còn cháu Bùi Doãn T3 Giang, sinh ngày 09-9-2005 đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên anh T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng anh không có và anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị C và anh Bùi Doãn T.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Doãn T4, sinh ngày 12-7-2012 cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Bùi Doãn T3 Giang, sinh ngày 09-9-2005 đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Chị Lê Thị C và anh Bùi Doãn T không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy anh Bùi Doãn T là bị đơn trong vụ án hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Trại Nội (nay là thôn P), xã T1, huyện V, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự nêu trên giữa chị C và anh T là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng và đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị C và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C và anh T.

[4]. Về quan hệ hôn nhân của chị C và anh T: Xét thấy chị C và anh T kết hôn với nhau vào ngày 23-6-2005, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy hôn nhân của chị C và anh T đã thỏa mãn về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[5]. Về tình trạng hôn nhân của chị C và anh T: Xét thấy sau khi kết hôn chị C và anh T sinh sống tại quê của anh T tại thôn Trại Nội (nay là thôn P), huyện V, tỉnh Nam Định và đã có khoảng thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, anh T bị tai nạn nên phải chữa trị tốn kém nhiều tiền bạc, chị C và gia đình chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2014 thì chị C bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống đồng thời cũng chuyển nơi đăng ký hộ khẩu thường trú luôn về thị trấn TP, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Kể từ đó cho đến nay, vợ chồng chị C và anh T sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ chồng của chị C và anh T đã trái với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy hôn nhân của chị C và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy chị C xin ly hôn với anh T, phía anh T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và

gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C. Xử lý hôn giữa chị C và anh T là phù hợp.

[6]. Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là các cháu Bùi Doãn T3 Giang, sinh ngày 09-9-2005 và cháu Bùi Doãn T4, sinh ngày 12-7-2012. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng với chị C.

Xét thấy, cháu Bùi Doãn T4 có nguyện vọng, mong muốn tiếp tục được ở cùng với chị C. Chị C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con cháu T4. Bản thân chị C là người có sức khỏe, có khả năng tham gia lao động sản xuất để tạo ra thu nhập ngoài ra anh T đồng ý giao cháu T4 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình thì giao cháu Bùi Doãn T4 cho chị C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T4 thành niên có khả năng lao động tự lập được là phù hợp để đảm bảo cho cháu T4 được ổn định, học tập và phát triển tốt nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu T4 nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị C.

Xét cháu Bùi Doãn T3 Giang, sinh ngày 09-9-2005 đã thành niên, có khả năng lao động, tự lập được, chị C và anh T đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác có liên quan: Chị C và anh T đều xác định không có và không yêu cầu xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị C và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị C và anh Bùi Doãn T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Bùi Doãn T4, sinh ngày 12-7-2012 cho chị Lê Thị C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bùi Doãn T4 thành niên có khả năng lao động tự lập được.

- Anh Bùi Doãn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Doãn T4 cho chị Lê Thị C.

- Cháu Bùi Doãn T3 Giang, sinh ngày 09-9-2005 đã thành niên, có khả năng lao động, tự lập được nên không xem xét, giải quyết.

- Anh Bùi Doãn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng anh Bùi Doãn T không được lạm dụng việc thăm nom con

chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Lê Thị C.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị C đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000820 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Chị Lê Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Lê Thị C và anh Bùi Doãn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T1;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến